TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-PT
Ngày 18/3/2021
"*V/v tranh chấp QSD đất*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến;

Ông Lê Quốc Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 N 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 N 2021 về việc*"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2020/DS-ST ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 N 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T – Có mặt.
Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2.
Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông T1, bà T2: Ông Nguyễn Khánh L; Địa chỉ: số 255 đường T, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan:* Ông Nguyễn Văn T3 và bà Vũ Thị L1; Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2.

- *Người làm chứng:* Ông Y N, bà H – B; Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt.

Ông Y T3; Địa chỉ: Bon R, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

Chị H In (chị); chị H In (em); Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 17/5/2018, bà Nguyễn Thị T có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Y N, bà H-B thửa đất số 131, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.193 m^2, tọa lạc tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CD 952613 cấp ngày 19/5/2016.thủ tục chuyển nhượng đã hoàn tất, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K xác nhận vào trang 3 của giấy chứng nhận vào ngày 17/5/2018 theo hồ sơ số 00 1038.CN 001. Hai bên đã bàn giao đất ngoài thực địa đúng theo sơ đồ thửa đất đã được trích lục, bà T quản lý sử dụng từ đó đến nay.

Khoảng tháng 6/2018, ông Bùi Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 là chủ sử dụng đất liền kề đã tự ý lấn chiếm một phần diện tích khoảng 170 m^2, sau đó đóng cọc rào lưới B40. Đất bị lấn chiếm có tứ cận: một cạnh giáp đất ông Bùi Thanh T1 và bà Nguyễn Thị T2, một cạnh giáp đất của bà Nguyễn Thị T đang sử dụng, một cạnh giáp đường L1 xã, một cạnh giáp đường bê tông. Bà T đã làm đơn nhờ Ủy ban nhân dân xã hòa giải nhưng không có kết quả. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 phải dỡ bỏ hàng rào và trả lại cho gia đình bà diện tích 170 m^2 đất.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn diện tích đất 38,3m^2 đất (BL 321, 324). Ngày 20/11/2020, bà T có đơn xin hủy tư cách người ủy quyền đối với ông Nguyễn Trung X (BL 344, 345).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T bà bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc ông T1, bà T2 phải trả lại diện tích đất 370m^2, có vị trí: phía đông giáp đất ông T1, phía tây giáp đất của bà T, phía Nam giáp đường bê tông, phía bắc giáp đường L1 xã đồng thời yêu cầu ông T1, bà T2 phải tháo dỡ toàn bộ tài sản là 14 gian nhà và cây trồng trên đất.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Khánh L trình bày:

Gia đình ông T1, bà T2 và gia đình ông Y N, bà H-B có đất liền kề, ranh giới giữa hai gia đình đã được xây tường rào kiên cố từ năm 2006, các bên sử dụng ổn định không có tranh chấp.

Đến năm 2015, ông Y N, bà H-B có sang nhượng cho ông T1, bà T2 thửa đất diện tích 338 m^2, có tứ cận: phía Đông giáp nhà ông T1 và bà T2, phía Tây giáp ông Y N, phía Bắc giáp đường L1 xã 05 mét, phía Nam giáp đường bê tông 05 mét. Ông Y N đã tiến hành làm thủ tục tách thửa cho ông Bùi T2 T1 và bà

Nguyễn Thị T2 theo hồ sơ biến động ngày 17/6/2016, do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai K xác nhận, đất thuộc thửa 131, tờ bản đồ số 27, diện tích 338 m^2. Tuy đã sang nhượng nhưng do trên đất có một phần nhà ở và nhà vệ sinh, nhà tắm, nên gia đình ông Y N xin được tiếp tục sử dụng đến khi nào gia đình ông T1, bà T2 có nhu cầu sử dụng thì sẽ trả lại. Đến năm 2017, ông Y N có sang nhượng phần đất còn lại cho bà T, khi biết thông tin ông Y N chuyển nhượng đất còn lại thì ông T2, bà T1 cũng yêu cầu lấy lại phần đất đã cho ông Y N mượn và ông Y N cũng đồng ý trả lại cho ông T1, bà T2. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3 và bà Vũ Thị L1 trình bày:

Ngày 20/11/2017, ông T3, bà L1 có đổi cho bà Nguyễn Thị T thửa đất rẫy có diện tích 2,4 ha, trị giá 400.000.000 đồng để lấy một mảnh đất thổ cư của bà Nguyễn Thị T tại thửa 131, tờ bản đồ số 27, với chiều ngang mặt đường nhựa là 12m và phía sau giáp đường bê tông 11m, trị giá 576.000.000 đồng. Ông T3, bà L1 đã trả số tiền chênh lệch cho bà nguyễn Thị T 176.000.000 đồng. Hiện nay ông T3, bà L1 xây nhà để ở nhưng bà T chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T3, bà L1.

Đối với diện tích đất hiện nay bà T đang tranh chấp tại thửa 131, tờ bản đồ số 27, vị trí tranh chấp đất Phía Đông giáp nhà ông T1, phía Tây giáp đất của ông Bùi Văn T4 *(nay phía đất này bà T giao cho ông T3, bà L1)*, Phía Nam giáp đường bê tông, phía Bắc giáp đường nhựa.

Còn vị trí đất bà T giao cho ông T3, bà L1 phía Đông giáp đất còn lại của bà Nguyễn Thị T, Phía Tây giáp đất ông Bùi Văn T4, phía Nam giáp đường bê tông, phía Bắc giáp đường nhựa nên ông T3, bà L1 nên không L1 quan gì đến diện tích đất hiện nay đang tranh chấp.

Người làm chứng ông Y N và bà H-B trình bày:

N 2015, ông Y N và bà H-B có sang nhượng cho ông T1, bà T2 một thửa đất tính từ bờ tường nhà ông T1, bà T2 đầu và đuôi đổ ra 5 mét, chiều dài không rõ bao nhiêu mét, với giá 200.000.000 đồng, thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 27 đất tọa lạc tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Ông T1, bà T2 đã trả đủ tiền và nhận bàn giao đất ngoài thực địa. Tuy nhiên, do bệnh tật và hoàn cảnh khó khăn nên ông bà xin ở nhờ trên đất đã chuyển nhượng cho ông T1, bà T2.

Tháng 5/2018, bà T nói chuyện với ông Y N, bà H-B về việc đổi đất và được ông bà đồng ý, cụ thể: ông bà giao cho bà T là 06 mét thuộc thửa đất 131 tờ bản đồ số 27 giáp đất ông Đào Trung Đ để đổi lấy 10 mét đất của bà T, phần diện tích đất còn lại (thuộc thửa đất số 131 tờ bản đồ số 27) bà T nhận sang nhượng của ông Y N, bà H-B, giá trị sang nhượng là 260.000.000 đồng, bà T đã trả được 210.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng đến nay chưa trả, vì lý do bà T cho rằng ông Y N, bà H- B giao thiếu đất, không bàn giao phần diện tích đất hiện nay bà T đang tranh chấp với ông T1, bà T2. Sau khi thỏa thuận ông Y N, bà H-B đã ký thủ tục sang

nhượng cho bà T, nhưng bà T không ký thủ tục sang tên 10 mét đất cho ông bà. Đối với diện tích đất hiện nay đang tranh chấp thì ông bà đã sang nhượng cho ông T1, bà T2 không L1 quan gì đến phần đất đổi và sang nhượng cho bà T.

Ông Y N, bà H-B khẳng định không chuyển nhượng diện tích đất của ông T1, bà T2 cho bà T, vì phần đất này ông đã chuyển nhượng cho ông T1, bà T2 từ N 2015, nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông bà xin ở lại trên đất một thời gian. Đến tháng 6/2018, sau khi làm xong nhà, chuyển đi thì giữa bà T và ông T1, bà T2 xảy ra tranh chấp.

Người làm chứng ông Y T3 trình bày:

Ông chỉ biết bà Nguyễn Thị T và ông T1, bà T2 đều là người nhận sang nhượng đất của ông Y N và bà H'B. Việc các bên thỏa thuận sang nhượng cụ thể như thế nào thì ông không biết. Tuy nhiên, khi ông Y N, bà H'B bàn giao đất ngoài thực địa 05 mét cho ông T1, bà T2 thì ông có chứng kiến. Cụ thể, ông Y N, bà H'B chỉ ranh và bàn giao thực địa diện tích đầu đuôi từ bờ tường nhà ông T1, bà T2 ra 05 mét (hiện nay đang tranh chấp).

Người làm chứng chị H In (chị) trình bày:

Chị H In là con gái ruột của ông Y N và bà H'B, thửa đất số 131, tờ bản đồ số 27 là của bố mẹ. Bố mẹ thỏa thuận đổi 6 mét theo chiều ngang mặt đường nhựa từ phía bên nhà ông Trung Đ sang, còn bà T đổi cho bố mẹ 10 mét đất của ông Vũ Công H (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 27), hai bên đã thực hiện xong việc chuyển nhượng, hiện bố mẹ đang quản lý sử dụng thửa đất số 119, tờ bản đồ số 27. Hiện GCNQSDĐ của thửa 119, tờ bản đồ số 27 bà T giữ lấy không đưa bìa đỏ cho bố mẹ, còn bố mẹ tôi đã giao bìa đỏ cho bà T.

Sau khi đổi cho bà T thì phần diện tích đất còn lại không biết bao nhiêu nhưng bà T yêu cầu bố mẹ sang nhượng phần diện tích còn lại cho bà T. Lúc đó bố mẹ có nói với bà T là phía bên kia đã bán cho ông T1, bà T2 05 mét rồi, diện tích còn lại thửa đất số 131 bị méo nhưng bà T vẫn đồng ý mua (ngoài số đổi 6 mét) với trị giá là 260.000.000 đồng *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng*). Bà T trả được 210.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng hiện bà T chưa trả.

Sau khi làm thủ tục chuyển nhượng xong, bà T tự ý lấy thước dây đi đo đạc diện tích đất, khi bà T đo xong thấy thiếu, nên cho rằng gia đình ông T1, bà T2 lấn chiếm. Sau đó, bà đề nghị gia đình tôi làm giấy tờ để đòi lại đất của ông T1, bà T2 nhưng bố mẹ không đồng ý. Trong khi đó bà T hứa với chị H In nếu bà T lấy được đất phía bên nhà ông T1, bà T2 thì cho chiếc xe tay ga, do H In thiếu hiểu biết nên đã đồng ý với bà T để việc bà T tự tiện đòi đất nhà ông T1, bà T2.

Giấy giao đất viết ngày 25/5/2018 là do em gái H In (em) viết, còn nội dung do bà T đọc cho H In (em) viết, Lúc đó không có bà Vũ Thị L1. Việc bà L1 ký như thế nào thì không biết, do thiếu hiểu biết không suy nghĩ gì nên viết theo ý kiến của bà T.

Đối với phần đất bố mẹ chuyển nhượng cho ông T1, bà T2 là 05m phía trước và sau tính từ bờ tường nhà ông T1, bà T2, trên phần đất này có dính một phần nhà, nên bố mẹ không chuyển nhượng phần đất này cho bà T, vì trước đó đã chuyển nhượng cho ông T1, bà T2.

Người làm chứng chị H In (em) trình bày:

Tại phiên tòa chị H In khai rằng chị là con gái của ông Y N và H-B, giấy giao đất viết ngày 25/5/2018 là do bà Nguyễn Thị T đọc, H In (em) viết nhưng không nhớ nội dung, việc sửa số 3 trong giấy giao đất có màu mực khác (chữ số 370 m^2) không phải H In sửa, không biết ai sửa vào, khi viết xong không ai đọc lại cho ông Y N, bà H B nghe mà chỉ đưa cho điểm chỉ, việc chỉ ranh cho bà T thì H In không tham gia chỉ ranh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2020/DS-ST ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, yêu cầu ông Bùi Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 trả lại diện tích đất, có vị trí phía đông giáp đất ông Bùi Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 dài 57,68 m; phía tây giáp đất bà Nguyễn Thị T dài 54,87m, phía nam giáp đường bê tông dài 5,19 m; phía bắc giáp đường L1 xã dài bằng 0 m, tổng diện tích 131.7m^2 nằm trong thửa số 132, tờ bản đồ số 27, diện tích 267,2 m^2 mang tên ông Bùi Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Bùi Thanh T1, bà Nguyễn Thị T2 trả lại diện tích 38,3 m^2 đất nằm trong 170 m^2 đất theo đơn khởi kiện.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/12/2020 bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xin rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và giữ nguyên lời khai như trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T nộp trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút đơn khởi kiện, nhưng không được bị đơn đồng ý. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Xét về nguồn gốc diện tích đất hiện nay đang tranh chấp là của ông Y N và bà H-B đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 949325, thửa đất số 116, tờ bản đồ số 27, diện tích: 1.930m^2, cấp ngày 04/6/2012 (BL 183, 184).

[3.1]. Ngày 07/4/2016, ông Y N và bà H-B có đơn đề nghị tách thửa đất số 116, tờ bản đồ số 27, diện tích: 1.930m^2 thành 03 thửa. Thửa số 130, tờ bản đồ số 27, diện tích 399m^2; thửa số 131, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.193m^2 và thửa số 132, tờ bản đồ số 27, diện tích 338m^2. Ngày 19/5/2016, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đăk Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất nêu trên thành 03 giấy CNQSD đất đều đứng tên ông Y N và bà H-B (BL 169, 172; 175-180).

[3.2]. Năm 2016, ông Y N và bà H-B chuyển nhượng thửa đất số 130, tờ bản đồ số 27, diện tích 399m^2 cho ông Đào Văn Trung, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Krông Nô xác nhận vào trang 3 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 175, 176).

[3.3]. Ngày 10/6/2016, ông Y N và bà H-B chuyển nhượng thửa đất số 132, tờ bản đồ số 27, diện tích 338m^2 cho ông Bùi T2 T1, bà Nguyễn Thị T2, thủ tục chuyển nhượng đã được hoàn tất đứng tên ông T1, bà T2 tại trang 3 của giấy chứng nhận (BL 131-133; 179,180).

[3.4]. Ngày 03/5/2018, ông Y N và bà H-B chuyển nhượng thửa đất số 131, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.193m^2 cho bà Nguyễn Thị T, thủ tục chuyển nhượng đã được hoàn tất, đứng tên bà Nguyễn Thị T tại trang 3 của giấy chứng nhận (BL 125-127; 177,178).

[4]. Tại sơ đồ dự kiến tách thửa đất của ông Y N đề ngày 28/5/2012 thể hiện thửa đất số 116, tờ bản đồ số 27, diện tích 1930m^2 có chiều rộng cạnh phía Bắc dài 30m; chiều rộng cạnh phía Nam là 25m. Thửa số 116 có cạnh phía Tây giáp với thửa đất số 53, diện tích 610m^2 thửa đất này nằm cạnh con đường đi (BL 174). Do đó, khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc đất thì cần phải đo đạc cả thửa 53 và thửa đất số 116 (được tách ra thành 03 thửa) và đo đạc toàn bộ diện tích đất hiện nay gia đình ông T1 đang sử dụng trong đó có phần đất hiện đang tranh chấp, đồng thời yêu cầu ông T1, bà T2 cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh về nguồn gốc đất, để làm căn cứ giải quyết vụ án đảm bảo đúng pháp luật. Tòa án

cấp sơ thẩm chỉ đo đạc phần đất của bà T và đất của ông T1, bà T2 nhận chuyển nhượng của ông Y N và bà H-B, trong đó có phần đất tranh chấp để làm căn cứ bác đơn khởi kiện của bà T là chưa có căn cứ vững chắc.

[4.1]. Ngày 22/7/2020, bà T có đơn đề nghị Tòa án làm rõ diện tích đất của bà T và gia đình ông T1 hiện tại đang sử dụng có phù hợp với diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận hay không. Bà T cho rằng diện tích đất thực tế gia đình ông T1 đang sử dụng nhiều hơn diện tích đất được cấp trong giấy chứng nhận, nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét là có phần thiếu sót (BL 249).

[4.2]. Tại mảnh trích đo địa chính về việc xem xét thẩm định tại chỗ cùng ngày 04/01/2019 hai mảnh có số liệu khác nhau, trong đó một mảnh người kiểm tra ông Nguyễn Phước Đ, một mảnh người kiểm tra là ông Vũ Văn T là có sự mâu thuẫn, nhưng chưa được làm rõ (BL 418, 419). Do đó, tại phiên tòa phúc thẩm bà T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm nhiều lần thay đổi số liệu đo đạc, nên bà không nhất với kết quả đo đạc và không ký vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

[5]. Do cấp sơ thẩm có những vi phạm và thiếu sót nêu trên, tại phiên tòa cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được, nên cần chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, hủy bản án sơ thẩm số: 23/2020/DS-ST ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy, nên bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Nguyễn Thị T.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 23/2020/DS-ST ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Krông Nô giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên số 0004016 ngày 22/12/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đăk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Thị Thông